

LÀM GÌ ĐỂ ĐƯA NHANH NHỮNG TIẾN BỘ KHOA HỌC – KỸ THUẬT VỀ TRỒNG CÂY VỤ ĐÔNG VÀO THỰC TẾ SẢN XUẤT Ở NƯỚC TA

(Phỏng vấn đồng chí NGUYỄN NGỌC TRIỀU,
Ủy viên Trung ương Đảng – Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp)

LTS – Vụ đông năm 1979 có một tầm quan trọng đặc biệt: nó sẽ góp một phần quyết định trong việc thực hiện chỉ tiêu sản xuất lương thực. Vụ đông năm 1979 cũng đứng trước những thử thách to lớn: phải làm gì đây để đưa diện tích vụ đông từ 250 nghìn hecta lên gần 400 nghìn hecta một cách kinh tế nhất? Phải trồng cây gì đây trên 100 nghìn hecta đất miền núi phía bắc (có khả năng trồng cây vụ đông và vụ xuân) mà nay chỉ mới gieo trồng được một vụ lúa mùa? Phải bố trí cơ cấu mùa vụ thế nào đây để trồng thêm vụ màu đông xuân trên vài chục vạn hecta đất ở miền nam? Phải có những chính sách, chế độ và cách thức như thế nào đây để nâng cao năng lực chỉ đạo của đội ngũ cán bộ cơ sở và kích thích tinh thần phấn khởi của nông dân xã viên, nhằm đưa nhanh những tiến bộ khoa học – kỹ thuật về trồng cây vụ đông vào thực tế sản xuất? Với cách đặt vấn đề như vậy, chúng tôi đã tới gặp và phỏng vấn đồng chí Nguyễn Ngọc Triều, Ủy viên Trung ương Đảng, Bộ trưởng Bộ nông nghiệp, để đề nghị đồng chí làm sáng tỏ những vấn đề trên.

PHỎNG VIÊN: Thưa đồng chí Bộ trưởng, đề nghị đồng chí cho biết một số nhận xét chính về những thành tựu khoa học – kỹ thuật lớn nhất, cơ bản nhất trong sản xuất vụ đông ở nước ta, và nên đánh giá những nguyên nhân tiến bộ đó như thế nào?

TRẢ LỜI: Trong 25 năm qua, khoa học và kỹ thuật nông nghiệp nước ta có rất nhiều thành tựu, nhưng theo tôi, thành tựu to lớn nhất, có thể nói là cực kỳ quan trọng, có tác dụng làm thay đổi hẳn cục diện nông nghiệp của cả nước ta, đó là: sự ra đời của các giống lúa xuân và lúa mùa sớm ngắn ngày, đã làm xuất hiện vụ lúa xuân, vụ lúa mùa sớm, và vụ đông – trên một phạm vi rất rộng lớn – mang lại những hiệu quả kinh tế rất thiết thực, mà thực ra cho đến nay chúng ta vẫn



Đồng chí NGUYỄN NGỌC TRIỀU

chưa lường hết được. Tôi nhớ lại trước đây, nền nông nghiệp Việt Nam ta phần lớn chỉ gieo cấy có một vụ: hoặc chiêm, hoặc mùa; sau đó nhờ công cuộc thủy lợi hóa phát triển nên nhiều nơi đã làm được cả 2 vụ lúa: chiêm, mùa. Nhưng như thế vẫn là độc canh lúa. Sau đó là vụ lúa xuân với các giống lúa ngắn ngày, cho năng suất cao ra đời, đã làm xuất hiện 3 tháng vụ đông (tháng 11, tháng 12, tháng 1), nhưng như thế thì thời vụ vẫn cực kỳ khan trương, và số cây trồng vụ đông vẫn

rất hạn chế; những tháng mùa đông vẫn bị coi là những tháng «cây khô lá vàng», là những tháng «nông nhàn» trong năm. Hàng triệu hecta đất thuộc bị bỏ phí, không trồng trọt, không tăng vụ, không làm ra được nhiều sản phẩm. Trong khi đó, hàng triệu người lao động, nguồn sức lực dồi dào, bị bỏ phí. Và thật là vô cùng lãng phí nếu ta thấy: để khai hoang 1 hecta đất mới (chứ chưa phải là đất thuộc) ta đã phải tốn tới 6000 - 7000 đồng. Thế mà, ta có hàng triệu hecta đất thuộc, sẵn sàng làm ra sản phẩm, không phải mất một tí tiền nào tốn kém về công đầu tư khai phá, mà hàng bao năm trời ta vẫn bỏ, không có cách nào giải quyết, vì mấy tháng «nông nhàn» nói trên là quá dài trong lúc sức lao động bị lãng phí, nhưng lại quá ngắn đến độ khó có thể chen vào đó một vụ sản xuất nào. Ở đây, vai trò của công tác khoa học kỹ thuật đã trở nên cực kỳ quan trọng. Nền khoa học kỹ thuật nông nghiệp Việt Nam, thừa hưởng những thành tựu của khoa học kỹ thuật nông nghiệp thế giới, đã cho ra đời những giống lúa mới ngắn ngày, có năng suất cao, phù hợp với điều kiện thời tiết và khí hậu của Việt Nam, đã hình thành nên vụ lúa chiêm xuân (với giống lúa Nông nghiệp 8 là chủ lực) và vụ lúa mùa sớm (với giống NN1A, nông nghiệp 23 và gần đây lại có giống NN75 - 6 và NN75 - 10... mà tôi sẽ nói ở phần sau). Do đó, chúng ta đã làm đôi ra 4-5 tháng (từ tháng 10 năm trước đến tháng 2 năm sau), thời gian 4 - 5 tháng đó đủ để sản xuất một vụ với cơ cấu cây trồng hợp lý và phong phú, gọi là VỤ ĐÔNG.

Như vậy, về thực chất, vụ đông là một biện pháp luân canh, tăng một vụ màu (hoặc có khi là hai vụ rau quả) xen kẽ vào giữa hai vụ lúa, vừa có tác dụng cải tạo đất, phòng chống sâu bệnh, đưa hệ số quay vòng ruộng đất trước kia phổ biến là 1 - 2 vụ, thành gần 3, hoặc gần 4 vụ trong năm. Nhờ những tiến bộ về khoa học kỹ thuật to lớn như vậy, nên mấy tháng mùa đông trước kia được coi là «cây khô lá vàng» nay đã trở thành những tháng lao động cực kỳ khẩn trương, sôi động, tạo ra một số lượng sản phẩm rất đáng kể cho toàn xã hội.

Vụ đông ở ta đã và đang trở thành một vụ sản xuất chính trong năm, và rõ ràng cũng là một vụ thử thách gắt gao trình độ chỉ đạo sản xuất, trình độ quản lý kỹ thuật của tất cả các cấp, các ngành, thử thách tới từng cơ quan, tới từng con người cụ thể. Phải thấy rằng, nếu tỉnh nào làm vụ đông giỏi nhất, huyện nào làm vụ đông khá nhất, hợp tác xã nào làm vụ đông tốt nhất, thì nhất định ở đó đội ngũ cán bộ quản lý sản xuất và quản lý kỹ thuật phải là những người có năng lực, có

phẩm chất; và đông đảo nông dân xã viên ở đó phải là những con người có trình độ làm chủ tập thể cao, có kỹ năng lao động giỏi; và chắc chắn ở đó, việc vận dụng những chính sách, chế độ của Đảng và Nhà nước vào hoàn cảnh cụ thể của địa phương phải đúng đắn và sáng tạo. Với cách đánh giá như vậy, nhận xét của tôi về những tiến bộ khoa học kỹ thuật lớn nhất, cơ bản nhất trong sản xuất vụ đông ở nước ta thời gian qua như sau:

1. Về mặt quan điểm: tôi nghĩ rằng thành tựu khoa học - kỹ thuật về vụ đông đến nay ta đạt được phải là do cả từ hai phía: phía các viện nghiên cứu khoa học, với các phương tiện nghiên cứu đã được trang bị; và phía đông đảo bà con nông dân xã viên, với các sáng kiến cải tiến kỹ thuật, các thực nghiệm kỹ thuật, dù nhỏ, nhưng có giá trị lớn trong điều kiện sản xuất cụ thể của từng địa phương.

Vậy ta nên coi trọng phía nào? Quan điểm đúng đắn nhất là nên coi trọng cả hai phía: chúng ta trân trọng với các công trình khoa học của tất cả các viện, trường đại học và cơ quan nghiên cứu khoa học; nhưng chúng ta cũng trân trọng không kém với những kinh nghiệm kỹ thuật nhỏ, từng cải tiến kỹ thuật, dù rất nhỏ, của đông đảo bà con nông dân xã viên. Trên quan điểm như vậy, tôi cho rằng vừa qua, một số viện nghiên cứu khoa học kỹ thuật nông nghiệp của ta đã có những đóng góp xứng đáng cho việc đưa vào sản xuất những giống lúa xuân, lúa mùa sớm để phát triển vụ đông theo cách này. Vừa qua, Viện cây lương thực và Viện khoa học nông nghiệp Việt Nam đã tích cực kết hợp với các hợp tác xã, nghiên cứu, thực nghiệm và sắp cho ra đời hai loại giống lúa mới ngắn ngày, gieo trồng trong vụ lúa mùa sớm (là giống NN75-6, và giống NN75-10). Gần đây tôi đã về Hải Hưng xem xét kỹ hai giống lúa này. Kết luận cuối cùng về các giống lúa đó sẽ có Hội đồng khoa học kỹ thuật của Bộ nông nghiệp, nhưng, với tư cách là một người đã làm nông nghiệp, tôi cho rằng giống NN75-6 (90 ngày) và giống NN75-10 (100 ngày) là có triển vọng tốt. Vì sao vậy? Vì trước đây (và cho tới hiện nay) ta mới chỉ có giống NN1A, có ưu điểm là gieo cấy sớm, đầu tháng 6 cũng được, mà gieo cấy muộn (từ 5/7 đến cuối tháng 7) cũng được, do đó có điều kiện rải vụ ra; lại ngắn ngày: chỉ có 90 - 95 ngày; năng suất tạm ổn định, trung bình trên diện rộng là 2,5 tấn - 3 tấn/ha. Nhưng NN1A cũng có những nhược điểm nhất định, do vậy, trước sau tôi nghĩ sẽ phải có những giống lúa tốt hơn giống NN1A (nhưng khi chưa có những giống lúa đó, thì vẫn phải thấy gieo

cây giống NN1A là đúng đắn hơn cả). Giống NN75-6 và NN75-10, theo tôi, có những ưu điểm rất cơ bản: dạng cây thì như NN8, nhưng lá bắp mập hơn, lá đâm thẳng lên (là dạng cây sẽ cho năng suất cao) do đó, mật độ gieo cấy sẽ dày lên. Hơn nữa, hạt gạo NN75-6 lại nhỏ, dài, trong suốt, ngon cơm. Thời vụ gieo trồng NN75-6 cũng là cuối tháng 6 gieo vãi, đầu tháng 10 gặt; thời gian sinh trưởng chỉ có 90 - 95 ngày, do đó rất phù hợp cho việc phát triển vụ đông. Còn giống NN75-10 thì cấy vào đầu tháng 6, gặt vào đầu tháng 10, thời gian sinh trưởng 100 ngày, cũng tạo được điều kiện để phát triển tốt vụ đông. Hoàn thiện các giống NN75-6, NN75-10, và một số giống lúa mùa sớm khác (như Đồng Nai chẳng hạn), là một hướng nghiên cứu tốt, phục vụ rất thiết thực cho việc mở rộng vụ đông ở nước ta.

Cũng trên quan điểm như vậy, tôi cho rằng thành tựu khoa học - kỹ thuật khá quan trọng khác về phát triển vụ đông, là chúng ta đã xác định được khá chính xác tập đoàn cây trồng vụ đông ở đồng bằng và trung du Bắc Bộ (gồm 3 cây chính: khoai tây, khoai lang và ngô; ngoài ra là tỏi, dưa hấu, su hào muộn và đậu tương đông). Bên cạnh đó, ở một số nơi cũng bước đầu đã xác định được tập đoàn cây vụ đông ở miền núi (gồm lúa mì, khoai tây, mạch 3 góc). Cho đến nay, những vấn đề đó trông thật đơn giản, thật dễ dàng, và nhiều hợp tác xã đã gieo trồng những tập đoàn cây vụ đông nói trên một cách khá thành thạo. Nhưng cách đây 10 năm vấn đề này không dễ dàng như vậy. Lúc đó, ý kiến về cây trồng vụ đông rất phân tán, nào là: «lúa mì, lúa miến, củ cải đường, khoai tây, khoai lang, mạch 3 góc v.v...» ở đồng bằng, nào là: «mạch 3 góc, cao lương, lúa miến...» ở miền núi v.v... và v.v... Chính nhờ thực tiễn sản xuất hết sức sinh động ở các hợp tác xã (đặc biệt là các hợp tác xã làm vụ đông giỏi ở Hải Hưng, Thái Bình, Hà Bắc, Hà Nam Ninh), kết hợp với lý luận khoa học của các viện nghiên cứu, và các tổng kết kinh tế - kỹ thuật của các cơ quan quản lý, chỉ đạo, nên đến nay tập đoàn cây vụ đông ở ta đã trở nên rất rõ ràng, đã qua thử thách trong nhiều năm ở các cơ sở sản xuất.

Theo ý kiến tôi, chính nhờ biết coi trọng cả hai phía mà đến nay chúng ta đã có căn cứ khoa học khá xác đáng cho việc đề ra tư tưởng chỉ đạo tập đoàn cây vụ đông ở miền bắc nước ta như sau:

a. Phải lấy phát triển hoa màu lương thực trong vụ đông là chính, vì mục đích cơ bản của vụ đông là tăng thêm lương thực, thực phẩm cho người, thức ăn cho gia súc, ngoài ra là kết hợp làm nhiệm vụ xuất khẩu. Chỉ có

nắm vững phương châm cơ bản như vậy ta mới thấy hết ý nghĩa to lớn và toàn diện của vụ đông: vụ đông không chỉ là vụ sản xuất phục vụ riêng cho các hợp tác xã, nên mặc dù sản lượng vụ đông, về cơ bản, hợp tác xã không phải làm nghĩa vụ các sản phẩm vụ đông (như với hai vụ lúa), nhưng như thế không có nghĩa là «hợp tác xã lợi, Nhà nước thiệt» như một số người suy nghĩ. Phát triển hoa màu lương thực trong vụ đông tốt, sẽ làm thay đổi sâu sắc cục diện lương thực của nước ta, sẽ làm cho vấn đề lương thực toàn xã hội trở nên bớt căng thẳng hơn nhiều, và trên thực tế, thì nhờ có hoa màu lương thực trong vụ đông mà bình quân mỗi gia đình nông dân được tới trên dưới một tấn sản phẩm vụ đông các loại, cộng với hàng nghìn tấn khoai tây, khoai lang, phục vụ cho trại chăn nuôi lợn tập thể của từng hợp tác xã; việc đó đã làm cho đầu lợn của một số hợp tác xã, trong một thời gian ngắn, tăng lên nhanh, tạo điều kiện rất tốt cho thâm canh 2 vụ lúa, và làm cho hợp tác xã có khả năng đóng góp nghĩa vụ cho Nhà nước về lương thực (quy ra thóc) được nhiều hơn, dễ dàng hơn.

b. Trong hoa màu lương thực, phải thấy khoai tây là cây trồng có nhiều ưu thế ở các tỉnh đồng bằng, trung du Bắc Bộ, và khoai lang là cây có ưu thế ở các tỉnh khu 4 cũ. Trong lĩnh vực phát triển khoai tây, đội ngũ nông dân tập thể của chúng ta đã có nhiều đóng góp rất quan trọng về mặt kỹ thuật. Họ đã sáng tạo nên nhiều cách trồng, cách giữ giống khoai tây tốt (như biện pháp trồng khoai tây trên nền đất ướt để làm kịp mùa vụ v.v...). Theo những phát biểu của bà con nông dân, thì ưu điểm cơ bản của khoai tây là: chịu rét khỏe, do đó rất thích hợp với điều kiện thời tiết, khí hậu trong vụ đông ở nước ta. Khoai tây lại có khả năng cho năng suất cao: trung bình trên 10 tấn/ha, cá biệt có ruộng tới 25 - 30 tấn/ha (trên diện tích hẹp). Nếu có đủ đạm, kali, thì năng suất bình quân có thể đạt 13 - 15 tấn/ha.

Ba khó khăn cơ bản nhất về mặt khoa học - kỹ thuật hiện nay trong phát triển khoai tây là: dễ giống sao cho ít thối; phải có nhiều phân bón nhất là đạm vô cơ mới cho năng suất cao; bảo quản khoai tây không được lâu.

Do đó, bên cạnh khoai tây, cũng cần phát triển mạnh khoai lang (vì khoai lang có chi phí sản xuất rất ít (khoảng 55 - 60 đồng trên 1 héc-ta); hơn nữa dễ giống khoai lang dễ dàng hơn, cần ít phân đạm vô cơ hơn, năng suất thường đạt 4 - 5 tấn/1 ha. Khoai lang cần phải trồng sớm ở các chân ruộng vừa gặt xong lúa mùa sớm thì mới bảo đảm gieo cấy vụ xuân.

Khó khăn lớn nhất về mặt khoa học— kỹ thuật trong phát triển khoai lang vụ đông hiện nay là : ta chưa có giống khoai lang ôn đới, chịu được lạnh, do đó khi vụ đông nào ấm thì năng suất khoai lang cao, và ngược lại. Mặt khác, thời gian chiếm đất của khoai lang đông cũng quá lâu : 4 tháng đến 4 tháng rưỡi, do đó làm cho thời vụ gieo trồng cây vụ đông càng thêm khấn trương. Muốn có khoai lang đông nhiều phải chú ý chọn giống và dành đất giữ giống từ tháng 5, tháng 6.

PHÓNG VIÊN : *Thưa đồng chí Bộ trưởng, ở đây, qua Tạp chí Hoạt động khoa học, đồng chí thấy cần có yêu cầu gì đối với đội ngũ cán bộ khoa học kỹ thuật của nước ta, để đội ngũ đó có những đóng góp thiết thực giúp cho vụ đông phát triển một cách vững chắc, góp phần khắc phục những khó khăn về mặt khoa học— kỹ thuật trong phát triển vụ đông hiện nay.*

TRẢ LỜI : Theo tôi, trước hết cần phải đề cho đội ngũ cán bộ khoa học kỹ thuật khá đông đảo của ta ở các cấp, các ngành, biết 5 khó khăn lớn nhất trong quá trình phát triển vụ đông ở nước ta hiện nay là :

1) Phải làm sao sớm có kết luận về những giống lúa mùa sớm ngắn ngày, có năng suất cao, chống chịu sâu bệnh tốt. Tôi nghĩ rằng Nhà nước sẽ khen thưởng thích đáng những đơn vị và cá nhân nào đã có công tạo ra được những giống lúa mùa sớm phục vụ thiết thực cho phát triển vụ đông, ít nhất đạt các tiêu chuẩn tối thiểu sau đây :

- Năng suất 3 tấn/ha (trên diện rộng),
- Thời gian sinh trưởng (từ khi gieo đến khi gặt) : dưới 100 ngày.
- Chống chịu sâu bệnh tốt, chịu mưa bão.

Với tinh thần như vậy, Bộ nông nghiệp rất mong và yêu cầu các nhà khoa học nông nghiệp của ta sớm có kết luận và cho khu vực hóa một số trong các giống NN₁A, NN₇₅₋₆, NN₇₅₋₁₀, Đồng Nai..., trên cơ sở đó đưa mạnh ra sản xuất đại trà một vài giống nào đã được kết luận là ưu việt.

2. Phải làm sao hoàn thiện tốt hơn nữa kỹ thuật bảo quản giống khoai tây. Đây là một vấn đề kỹ thuật mang ý nghĩa kinh tế hết sức quan trọng. Tôi cho rằng Nhà nước sẽ khen thưởng thích đáng những đơn vị và cá nhân nào, bằng những phương pháp khoa học, đưa được ra quy trình kỹ thuật bảo quản giống khoai tây sau 8 tháng, chỉ tổn thất tối đa là 30%, như vậy cũng đã là một thắng lợi lớn.

Hiện nay, một số gia đình nông dân đã đạt được chỉ tiêu này. Vụ trồng trọt và Vụ kỹ thuật (Bộ Nông nghiệp) cần tổng kết, đúc rút

các kinh nghiệm đó, cần in tài liệu để phổ biến chung, hoặc đăng báo, phát thanh trên đài để các nơi cùng biết, cùng làm.

Ngoài ra, tôi cũng được biết Viện hóa học công nghiệp (thuộc Tổng cục hóa chất) đang nghiên cứu một số loại hóa chất, bảo quản khoai tây giống.

Bên cạnh đó, tôi cũng được biết Viện khoa học Việt Nam (cơ sở Nghĩa Đô và cơ sở thành phố Hồ Chí Minh) cũng đã nghiên cứu có ít nhiều thành công vấn đề nuôi cấy mô tế bào, ứng dụng trên một số cây (như thuốc lá, khoai tây...) và đã áp dụng thử ở một số địa phương.

Qua Tạp chí Hoạt động khoa học, tôi muốn đề nghị Viện hóa học công nghiệp, Viện khoa học Việt Nam, và các viện nghiên cứu, trường đại học khác, nếu các đồng chí thấy có đề tài gì nghiên cứu thành công về vụ đông nói riêng, và về sản xuất nông nghiệp nói chung, cần đưa ra ứng dụng vào thực tế sản xuất, thì mong các đồng chí liên hệ với Vụ kỹ thuật (Bộ nông nghiệp) và có công văn trực tiếp gửi tới tôi, để tôi có chỉ thị cụ thể, tạo điều kiện cho các đồng chí ký kết hợp đồng nghiên cứu với Bộ nông nghiệp, trên cơ sở đó cùng thiết thực phục vụ sự nghiệp phát triển nông nghiệp của nước Nhà.

3. Phải làm sao sớm tạo ra giống khoai lang ôn đới, thích hợp với điều kiện vụ đông, vì hiện nay các giống khoai lang của ta như : Hoàng Long (Hà Nam Ninh), Chùm Dâu Nghệ Tĩnh)... đều là những giống khoai lang nhiệt đới, ưa ấm, chứ chưa phải là khoai lang ôn đới, ưa lạnh, do đó năng suất, thời vụ... đều có hạn chế. Đây là một nhiệm vụ khá nặng nề của các nhà tạo giống cây trồng nông nghiệp ở Việt Nam ta.

4. Phải làm sao sớm kết luận dứt khoát về tập đoàn cây vụ đông ở miền núi. Với trên 10 vạn héc ta tương đối bằng phẳng chỉ mới gieo trồng được một vụ mùa, các nhà khoa học phục vụ nông nghiệp nên sớm trình những phương án cụ thể về tăng thêm một vụ đông hoặc vụ xuân ở miền núi Bắc Việt Nam như thế nào để sử dụng có hiệu quả số diện tích đó. Điều này sẽ mang lại những lợi ích kinh tế rất to lớn, vì nếu trên 10 vạn héc ta này làm ra thêm sản phẩm trong vụ đông, thì ít nhất ta cũng đạt một tổng sản lượng lương thực hàng mấy chục vạn tấn. Ở đây, tôi muốn nhấn mạnh một điểm : ở miền núi, nhiệt độ nói chung thấp hơn ở đồng bằng, lại hay có sương muối vào tháng 12 và tháng 1, vậy bố trí trồng cây gì cho phù hợp (ngô, khoai tây, cao lương, lúa mì ?). Vừa qua tôi được biết ở Lộc Bình

Cán bộ kỹ thuật thủy
nông Bộ Thủy lợi khảo
nghiệm hệ thống tưới phun
rau, màu vụ đông.

Ảnh : NAM XUÂN
(TTXVN)



Lạng Sơn) đã làm trên 500 héc-ta khoai tây, cho năng suất bình quân 6-8 tấn/ha. Ở Hòa An (Cao Bằng) cũng làm một số héc-ta trồng cao lương, cho năng suất 3,2 tấn-3,5 tấn/ha. Đó là những dấu hiệu đầu tiên trong thực tế sản xuất rất đáng khích lệ.

5). Sớm đúc kết kinh nghiệm về phát triển hoa màu vụ đông xuân trên đất một vụ lúa mùa dài ngày (160 - 180 ngày) ở phía nam; kinh nghiệm bước đầu cho biết, dùng giống lúa mùa lữ có thể thu hoạch sớm vào tháng 11, như vậy lợi dụng nước cuối mùa mưa để trồng thêm một vụ màu: ngô, cao lương, khoai, đậu tương... Trên đất lúa mùa nổi, có thể mở rộng trồng cao lương đông-xuân, như kinh nghiệm của An Giang...

Ngoài ra, từ nay, đề tạo điều kiện cho các cơ sở nghiên cứu khoa học ngoài ngành nông

nghiệp mà muốn thiết thực phục vụ nông nghiệp, tôi sẽ có chỉ thị cho Vụ kỹ thuật (Bộ nông nghiệp) phải có một bộ phận chịu trách nhiệm về hợp tác khoa học kỹ thuật trong nước để chuyên lo việc này. Mặt khác, chúng tôi cũng sẽ có những hình thức khen thưởng thích đáng với đội ngũ kỹ thuật viên nông dân rất đông đảo của chúng ta, nếu những người đó có những cải tiến kỹ thuật, hoặc hợp lý hóa sản xuất, có lợi cho việc phát triển vụ đông nói riêng, cũng như cho nông nghiệp nói chung.

PHÓNG VIÊN: Xin đồng chí Bộ trưởng vui lòng trả lời một câu hỏi cuối cùng: theo đồng chí thì đề cho vụ đông của nước ta phát triển thuận lợi, cần có những điều kiện khoa học-kỹ thuật thiết yếu gì?

TRẢ LỜI: tôi cho rằng cần có 5 điều kiện rất quan trọng sau đây:

Một là, phải có đội ngũ cán bộ quản lý sản xuất và chỉ đạo kỹ thuật giỏi. Đội ngũ này ít nhất bao gồm: các phó chủ tịch huyện phụ trách nông nghiệp, ban quản trị hợp tác xã (trong đó quan trọng nhất là chủ nhiệm hợp tác xã), các đội trưởng, các trưởng ban kỹ thuật ở hợp tác xã và ở đội sản xuất.

Vừa qua, chúng ta có rất nhiều trường, nhưng chưa có trường lớp nào dạy làm chủ nhiệm hợp tác xã, dạy làm đội trưởng, dạy làm kỹ thuật trưởng. Điều này ta phải sớm khắc phục, vì theo tôi không có cán bộ giỏi thì khó có thể có sản xuất giỏi được.

Hai là, phải nhanh chóng đưa công tác quản lý kỹ thuật ở các cơ sở sản xuất nông nghiệp vào nề nếp, trên cơ sở: phải có những tổ chức chuyên trách quản lý kỹ thuật (như Ban kỹ thuật) ở các hợp tác xã; và phải có những chính sách, chế độ có tính chất là những đòn bẩy kinh tế, có tác dụng làm cho người lao động vừa hào hứng phấn khởi, vừa tự giác thi hành tất cả những quy trình và tiêu chuẩn kỹ thuật đã được giao. Cần nghiên cứu ban hành chế độ kỹ thuật trưởng ở các đội sản xuất và ở các hợp tác xã.

Ba là, phải có những chính sách, chế độ hợp tình, hợp lý khuyến khích mạnh mẽ đối với người lao động sản xuất nông nghiệp. Trong các loại chính sách đó thì chính sách ổn định nghĩa vụ lương thực là quan trọng hơn cả. Chỉ có trên cơ sở chính sách này thì các điển hình tiên tiến về mặt khoa học-kỹ thuật trong nông nghiệp mới được nhanh chóng nhân ra rộng rãi; sức hấp dẫn của các điển hình tiên tiến trong nông nghiệp mới thật sự có sức thuyết phục; nghĩa vụ và quyền lợi giữa các cơ sở sản xuất nông nghiệp mới thực sự công bằng. Và điều quan trọng hơn là mới làm cho các hợp tác xã coi trọng cả 3 vụ: xuân, mùa sớm và vụ đông trong năm, không được coi nhẹ vụ nào, vì kết quả sản xuất của vụ

nào cũng phản ánh quyền lợi của người lao động, hợp tác xã, và Nhà nước.

Bên cạnh đó cần hướng dẫn nông dân chấp hành tốt các chính sách mà Chính phủ vừa mới ban hành về phát triển vụ đông, coi chính sách khuyến khích sản xuất vụ đông, chính sách ổn định nghĩa vụ lương thực, chính sách phân phối trong nội bộ hợp tác xã, chính sách khuyến khích chăn nuôi, chính sách tận dụng đất đai nông nghiệp v.v... là một hệ thống các chính sách của Đảng và Nhà nước nhằm thúc đẩy nông nghiệp nước ta phát triển.

Bốn là, phải có chính sách đầu tư kỹ thuật đúng đắn. Phải kiên quyết tập trung vốn, nhân lực, tài lực, vật lực... đầu tư cho những công trình công nghiệp trọng điểm thiết thực nhất đối với phát triển nông nghiệp ở nước ta. Trong những công trình trọng điểm ấy, theo tôi, cần coi trọng việc xây dựng những nhà máy sản xuất phân lân, phân đạm và một số cơ sở phục vụ trực tiếp cho việc trang bị kỹ thuật cho nông nghiệp. Trong hoàn cảnh thiên nhiên nhiệt đới Việt Nam, thì cách mạng khoa học-kỹ thuật trong nông nghiệp trước hết là thực hiện thủy lợi hóa, sau đó phải là hóa học hóa (phân bón, thuốc trừ sâu) để tạo điều kiện đẩy nhanh cuộc cách mạng sinh học, trên cơ sở đó thay đổi sâu sắc cơ cấu cây trồng và nâng cao năng suất sinh học của cây trồng nông nghiệp Việt Nam.

Năm là, phải có quy hoạch xây dựng và hình thành các vùng sản xuất vụ đông, trên cơ sở đó mà tạo điều kiện vật chất và kỹ thuật như thủy lợi, giao thông, điện, xây dựng đồng ruộng v.v... để tiến hành vụ đông được chủ động.

Cuối cùng, xin chân thành cảm ơn Tập chí Hoạt động Khoa học đã tạo điều kiện cho tôi tiếp xúc với đông đảo bạn đọc của Tập chí, và qua đó, đưa ra một số yêu cầu khoa học-kỹ thuật cụ thể nhằm phục vụ thiết thực cho việc phát triển vụ đông ở nước ta.